

Số: 73./QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu Đô thị An Huy**  
**tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên**  
**(Khu Ngò, Khu Chợ - Phân kỳ 2, giai đoạn 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án được phép thu hồi đất; các công trình dự án được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành bản Quy định một số điểm cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 16/04/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị An Huy thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 96/TTr-TNMT, ngày 21/01/2019; đề nghị của Trung tâm PTQĐ và CCN huyện tại Tờ trình số 16/TTr-TTPTQĐ&CCN, ngày 18/01/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tổng diện tích thu hồi, chuyển mục đích 5.143,3 m<sup>2</sup>, trong đó:

1.1. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao cho hộ gia đình, cá nhân là 4.946,1 m<sup>2</sup>.

1.2. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm do UBND thị trấn quản lý là 197,2 m<sup>2</sup>.

+ Địa điểm: Khu Ngò, khu Chợ, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

*Lý do thu hồi:* Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu Đô thị An Huy tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện có trách nhiệm quản lý diện tích đất thu hồi trên và làm các thủ tục trình UBND tỉnh giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

*(Có bảng thống kê diện tích kèm theo)*

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện như sau:

1. Chủ tịch UBND thị trấn Cao Thượng có trách nhiệm giao Quyết định này cho ông (bà) có tên tại Điều 1 nêu trên; trường hợp ông (bà) nêu trên vắng mặt hoặc không nhận quyết định này thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại Trụ sở UBND thị trấn và nơi sinh hoạt chung của cộng đồng nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Cao Thượng thu hồi Giấy chứng nhận của các hộ có diện tích đất thu hồi nêu trên bàn giao về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện để chỉnh lý; quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện, UBND thị trấn Cao Thượng có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Tân Yên đăng tải quyết định này trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng TN&MT, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện, UBND thị trấn Cao Thượng, Công ty Cổ phần Địa ốc An Huy và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

**Bản điện tử:**

- TT HĐND, các Ban HĐND huyện;

- TT UBND huyện;

- Lưu: VT, TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Lượng

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRONG CHỈ GIỚI THỦ HỒI ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN  
KHU ĐÔ THỊ AN HUYỆT, QUẬN THÂN CẨM, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (PHẦN KỲ 2, GIAI ĐOẠN 1)**

(Kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất		Loại đất	Xứ đồng	Thông tin thửa đất theo HSĐC				Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Ghi chú
			Tờ BB	Số thửa			Diện tích thửa (m <sup>2</sup> )	Tờ BB	Số thửa	DT thừa (m <sup>2</sup> )	DT cấp (m <sup>2</sup> )	Tổng	Hộ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	61	91	LUC		23	21	787	367	432.6	432.6		
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	48	LUC		23	134	67	67	320.3	320.3		
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	61	48	LUC		23	671	484	484				
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	43	LUC						225.1	225.1		
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	84	BHK						47.8	47.8	0	47.8
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	64	BHK						149.4	149.4	0	149.4
	Nguyễn Thị Thành Nguyễn Thế Dân	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	83	LUC		23	132	272	272	333.1	333.1	333.1	
	Nguyễn Thị Lâm (Nguyễn Văn Quý)	Khu Ngò (Thôn Hậu)	61	120	LUC		23	102	657	513	550.7	550.7	550.7	
	Nguyễn Thị Lâm (Nguyễn Văn Quý)	Khu Ngò (Thôn Hậu)	61	122	LUC		23	113	532	532	653.3	653.3	653.3	
2	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Nguyễn Thị Lâm (Nguyễn Văn Quý)	Khu Ngò (Thôn Hậu)	62	107	LUC		23	157	469	469	512	512	512	

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin bản đồ theo Trích đo ĐC			Loại đất	Xứ đồng	Thông tin thửa đất theo HSDC					Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Ghi chú
			Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích thửa (m <sup>2</sup> )			Tờ BĐ	Số thửa	DT thửa (m <sup>2</sup> )	DT cấp (m <sup>2</sup> )	Tổng	Hệ	UB		
	Nguyễn Thị Lâm (Nguyễn Văn Quy)	Khu Ngõ (Thôn Hậu)	62	107	512	LUC		23	158	24	24					
3	Phạm Thị Thao (Nguyễn Thị Thu)	Khu Ngõ	63	84	262.9	LUC		18	406	270	270	262.9	262.9			
4	Nguyễn Hữu Nam (Trình Thị Khương)	Khu Chợ	61	80	206.5	LUC Cầu Nở		18	112	226	226	206.5	206.5			
	Nguyễn Hữu Nam (Trình Thị Khương)	Khu Chợ	62	35	339.4	LUC Cầu Nở		18	244 (224)	348		339.4	339.4			
5	Hoàng Thị Ban	Khu Chợ	62	19	280.4	LUC		18 (09)	169	275	275	280.4	280.4			
6	Nguyễn Thị Năng	Khu Chợ	61	68	366.9	LUC		18(19)	107	360	360	366.9	366.9			
7	Nguyễn Minh Toàn	Khu Chợ	61	141	224.4	LUC		18	81/2	283	156	100.7	100.7			
8	Nguyễn Thị Tuyền	Khu Chợ	63	23	362.2	LUC		18(19)	315	372	372	362.2	362.2			
	<b>TỔNG</b>											<b>5.143.3</b>	<b>4.946.1</b>	<b>197.2</b>		